TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST Ngày: 26-3-2021 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;

2. Ông Hồ Đắc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 604/2020/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Mỹ L, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm 1965; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 20 tháng 11 năm 2020, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Mỹ L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Mỹ L và ông Trần Văn M chung sống với nhau từ năm 1986, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/01/1986

tại UBND xã M, huyện BL, tỉnh Sông Bé (nay là UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương). Từ năm 1986 đến năm 2015, bà L và ông M chung sống cùng nhau và cư trú tại xã M, huyện D. Tuy nhiên từ năm 2016 đến nay, bà L và ông M không còn chung sống cùng nhau, ông M bỏ địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Năm 2020, bà L có đơn yêu cầu tuyên bố ông M mất tích gửi Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và được giải quyết tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2020/QĐST-DS ngày 31/7/2020, theo đó Tòa án tuyên bố ông M bị mất tích. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, ông M đã được Tòa án tuyên bố mất tích nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Giữa bà L và ông M có 01 người con chung tên Trần Thị Thúy D, sinh năm 1986. Con chung đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn ông Trần Văn M trình bày:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành các thủ tục tố tụng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông M biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông M vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 30/12/2020 của Tòa án đối với Công an xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng xác định: Ông Trần Văn M, sinh năm 1965 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã M, huyện D. Hiện nay, ông M không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn M.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn bà L là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà L khởi kiện ông M về việc ly hôn. Ông M có đăng ký thường trú tại Ấp C, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn M theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà L và ông M chung sống với nhau từ năm 1986, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23/01/1986 tại UBND xã M, huyện BL, tỉnh Sông Bé (nay là UBND xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương). Từ năm 1986 đến năm 2015, bà L và ông M chung sống với nhau và cư trú tại xã M, huyện D. Từ năm 2016 đến nay, ông M bỏ địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Năm 2020, bà L có đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích gửi Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và được giải quyết tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 08/2020/QĐST-DS ngày 31/7/2020, theo đó Tòa án tuyên bố ông M mất tích. Nay, bà L yêu cầu được ly hôn với ông M. Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân gia đình quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau"*. Đồng thời, theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình *"Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn"*. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông M là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông M có 01 người con chung tên Trần Thị Thúy D, sinh năm 1986. Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Mỹ L đối với ông Trần Văn M về việc "Ly hôn".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Mỹ L ly hôn với ông Trần Văn M.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị Mỹ L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045382 ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, bà L đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã M, huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Nam